

TCT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM – CTP
CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: ~~44~~/QĐ-CPNT2

Đồng Nai, ngày 13 tháng 8 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc: Phê duyệt Yêu cầu báo giá

Gói thầu: Thuê dịch vụ siết lại các mối nối bị phát nhiệt và kiểm tra, khắc phục tình trạng tiếp xúc kém các mối nối của phát tuyến các tổ máy tại sân trạm 220kV Nhà máy điện Nhơn Trạch 2

GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2

Căn cứ Quyết định số 26/QĐ-CPNT2 ngày 02/06/2025 của Đại hội đồng Cổ đông Công ty về việc phê duyệt sửa đổi điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2;

Căn cứ Quyết định số 25/QĐ-CPNT2 ngày 18/06/2024 của Hội đồng Quản trị về việc phê duyệt sửa đổi Quy chế phân cấp trong quản lý đấu thầu Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2;

Căn cứ Quyết định số 14/QĐ-CPNT2 ngày 19/3/2026 của Hội đồng quản trị Công ty về việc phê duyệt Quy chế lựa chọn nhà thầu của Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2;

Căn cứ Quyết định số 239/QĐ-CPNT2 ngày 26/5/2026 của Giám đốc Công ty về việc phê duyệt và ban hành Quy định cụ thể thực hiện lựa chọn nhà thầu của Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2;

Căn cứ Quyết định số 30/QĐ-CPNT2 ngày 08/06/2026 của Hội đồng Quản trị Công ty về việc Phê duyệt chi tiết Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026 Công ty CP Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2;

Căn cứ Quyết định số 434/QĐ-CPNT2 ngày 11/08/2026 của Giám đốc Công ty về việc Phê duyệt dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu Thuê dịch vụ siết lại các mối nối bị phát nhiệt và kiểm tra, khắc phục tình trạng tiếp xúc kém các mối nối của phát tuyến tổ máy tại sân trạm 220kV Nhà máy điện Nhơn Trạch 2;

Xét đề nghị của các Phòng chức năng tại Tờ trình số 578/TTR-CPNT2 ngày 12/08/2026 về việc Phê duyệt Yêu cầu báo giá gói thầu Thuê dịch vụ siết lại các mối nối bị phát nhiệt và kiểm tra, khắc phục tình trạng tiếp xúc kém các mối nối của phát tuyến các tổ máy tại sân trạm 220kV Nhà máy điện Nhơn Trạch 2.



QUYẾT ĐỊNH:

- Điều 1.** Phê duyệt Yêu cầu báo giá gói thầu Thuê dịch vụ siết lại các mối nối bị phát nhiệt và kiểm tra, khắc phục tình trạng tiếp xúc kém các mối nối của phát tuyến các tổ máy tại sân trạm 220kV Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 với nội dung chi tiết như Yêu cầu báo giá đính kèm theo quyết định này.
- Điều 2.** Giao Phó Giám đốc phụ trách, các phòng chức năng triển khai thực hiện các thủ tục tiếp theo đúng quy định hiện hành.
- Điều 3.** Phó Giám đốc phụ trách, Kế toán trưởng, Trưởng Phòng Thương mại Thị trường điện và Trưởng Phòng Kỹ thuật Sản xuất Công ty chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- P.KTSX, P.TCKT;
- Lưu VT, P.TM-TTĐ.

Đính kèm:

- Yêu cầu báo giá gói thầu Thuê dịch vụ siết lại các mối nối bị phát nhiệt và kiểm tra, khắc phục tình trạng tiếp xúc kém các mối nối của phát tuyến các tổ máy tại sân trạm 220kV Nhà máy điện Nhơn Trạch 2.

GIÁM ĐỐC



BẢN YÊU CẦU BÁO GIÁ

Tên gói thầu : Thuê dịch vụ siết lại các mối nối bị phát nhiệt và kiểm tra, khắc phục tình trạng tiếp xúc kém các mối nối của phát tuyến các tổ máy tại sân trạm 220kV Nhà máy điện Nhơn Trạch 2

Phát hành ngày : 13/8/2026

Ban hành kèm : 436/QĐ - CP NT2
theo Quyết định

M/ Bên mời thầu



PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Trung Thu

CHƯƠNG I. YÊU CẦU NỘI BẢN BÁO GIÁ

Mục 1. Khái quát

1. Tên bên mời thầu là: Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2.
2. Bên mời thầu mời nhà thầu tham gia nộp bản báo giá gói thầu (BBG) gói thầu Thuê dịch vụ siết lại các mối nối bị phát nhiệt và kiểm tra, khắc phục tình trạng tiếp xúc kém các mối nối của phát tuyến các tổ máy tại sân trạm 220kV Nhà máy điện Nhơn Trạch 2. Phạm vi công việc, yêu cầu của gói thầu nêu tại Chương II của bản yêu cầu báo giá (YCBG) này.
3. Loại hợp đồng: Trọn gói.

Mục 2. Tư cách hợp lệ của nhà thầu

Nhà thầu có tư cách hợp lệ để tham gia nộp báo giá gói thầu này khi đáp ứng các điều kiện sau đây:

1. Có đơn chào hàng được đại diện hợp pháp của nhà thầu ký tên, đóng dấu theo quy định. Đối với nhà thầu liên danh, đơn chào hàng phải do đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký tên, đóng dấu hoặc thành viên đứng đầu liên danh thay mặt liên danh ký đơn chào hàng theo thỏa thuận trong văn bản thỏa thuận liên danh;

Thời gian thực hiện gói thầu nêu trong đơn chào hàng phải phù hợp với Chương II – Phạm vi, yêu cầu của gói thầu;

Giá dự thầu ghi trong đơn chào hàng phải cụ thể, cố định bằng số, bằng chữ và phải phù hợp với tổng giá dự thầu ghi trong bảng tổng hợp giá dự thầu, không đề xuất các giá dự thầu khác nhau hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư, Bên mời thầu;

Thời hạn hiệu lực của BBG đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Mục 9 của YCBG.

2. Có giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, quyết định thành lập hoặc tài liệu có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp hoặc chứng từ tương đương;
3. Hạch toán tài chính độc lập;
4. Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật;
5. Bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu;
6. Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu;

Nhà thầu có BBG hợp lệ được xem xét, đánh giá. Nhà thầu có BBG không đáp ứng yêu cầu về tư cách hợp lệ thì bị loại.

Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực kinh nghiệm

Nhà thầu được đánh giá là đạt về năng lực và kinh nghiệm khi đáp ứng tất cả các tiêu chuẩn đánh giá sau đây:

Các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm			Các yêu cầu cần tuân thủ			Tài liệu cần nộp
TT	Mô tả	Yêu cầu	Nhà thầu độc lập	Nhà thầu liên danh		
				Tổng các thành viên liên danh	Từng thành viên liên danh	
1	Kinh nghiệm thực hiện hợp đồng tương tự	Nhà thầu đã hoàn thành tối thiểu 01 hợp đồng tương tự ⁽¹⁾ về cung cấp dịch vụ với tư cách là nhà thầu chính (độc lập hoặc thành viên liên danh) hoặc nhà thầu phụ ⁽²⁾ trong khoảng thời gian kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 đến thời điểm đóng thầu. Trong đó hợp đồng tương tự là: - Có tính chất tương tự: Cung cấp dịch vụ thi công/lắp đặt/bảo dưỡng sửa chữa/khắc phục xử lý bất thường,...sân trạm/Máy biến áp/Đường dây trung thế/cao thế,...hoặc tương đương; - Có quy mô (giá trị) tối thiểu 50% giá gói thầu với giá trị cộng dồn là 240.000.000 VND.	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu (trưng dương với phần công việc đảm nhận)	Mẫu số 04
2	Thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế, nộp thuế	Cam kết đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế, nộp thuế của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu.	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Cam kết

⁽¹⁾Hợp đồng hoàn thành là hợp đồng có toàn bộ dịch vụ đã được nghiệm thu hoặc hợp đồng đã được thanh lý. Nhà thầu nộp bản sao y các tài liệu: BB nghiệm thu, hóa đơn GTGT/BB quyết toán thanh lý, tài liệu liên quan để chứng minh đã hoàn thành hợp đồng.

(2) Đối với các hợp đồng mà nhà thầu đã tham gia với tư cách là thành viên liên danh hoặc nhà thầu phụ thì chỉ tính giá trị phần việc do nhà thầu thực hiện.

Nhà thầu nộp cam kết đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế, nộp thuế của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu;

Nhà thầu có BBG đạt yêu cầu về năng lực và kinh nghiệm được xem xét, đánh giá tiếp về kỹ thuật. Nhà thầu có BBG không đáp ứng yêu cầu về năng lực và kinh nghiệm thì bị loại.

Mục 4: Tiêu chuẩn đánh giá về nhân sự tham gia:

Nhà thầu có đề xuất nhân sự: Đạt.

Nhà thầu có đề xuất nhân sự không đáp ứng yêu cầu: Không đạt.

a) Yêu cầu về nhân:

Nhà thầu phải chứng minh khả năng huy động các nhân sự đáp ứng yêu cầu của YCBG. Nhân sự có thể thuộc biên chế của nhà thầu hoặc do nhà thầu huy động. Trường hợp nhân sự mà nhà thầu kê khai trong BBG không đáp ứng yêu cầu của YCBG, Bên mời thầu cho phép nhà thầu làm rõ, thay đổi, bổ sung nhân sự để đáp ứng yêu cầu của YCBG trong một khoảng thời gian phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc. Đối với mỗi nhân sự không đáp ứng, nhà thầu chỉ được thay thế một lần. Trường hợp nhà thầu không có nhân sự thay thế đáp ứng yêu cầu của YCBG thì nhà thầu bị loại. Trong mọi trường hợp, nếu nhà thầu kê khai nhân sự không trung thực thì nhà thầu không được thay thế nhân sự khác, BBG của nhà thầu bị loại và nhà thầu sẽ bị coi là gian lận theo quy định của Luật Đấu thầu và bị xử lý theo quy định.

Kinh nghiệm trong các công việc tương tự được thể hiện ở số năm tối thiểu nhân sự thực hiện các công việc tương tự hoặc số hợp đồng tối thiểu trong các công việc tương tự. Số năm kinh nghiệm của nhân sự được tính từ thời điểm nhân sự bắt đầu thực hiện công việc tương tự đó đến thời điểm đóng thầu. Nhà thầu phải cung cấp thông tin chi tiết về các nhân sự được đề xuất theo các Mẫu tại YCBG để chứng minh rằng mình có đầy đủ nhân sự cho các vị trí đáp ứng những yêu cầu sau đây:

Stt	Vị trí công việc	Số lượng	Kinh nghiệm trong các công việc tương tự	Chứng chỉ/trình độ chuyên môn ⁽¹⁾
1	Nhân sự trực tiếp phụ trách kỹ thuật.	≥ 02	– Đã tham gia hoàn thành tối thiểu 01 năm kinh nghiệm và đã tham gia ít nhất 01 dự án/hợp đồng với	Chứng chỉ: Có thẻ an toàn điện bậc 5 do cơ quan có thẩm quyền cấp hoặc chứng từ tương đương còn hiệu lực.

			vai trò phụ trách kỹ thuật.	Có hợp đồng lao động
--	--	--	-----------------------------	----------------------

Ghi chú:

(1) Chỉ quy định trong trường hợp pháp luật chuyên ngành có yêu cầu về bằng cấp/chứng chỉ chuyên môn

b) Thiết bị chủ yếu dự kiến huy động để thực hiện gói thầu:

Thiết bị chủ yếu có thể của nhà thầu hoặc do nhà thầu huy động. Trường hợp thiết bị mà nhà thầu kê khai trong BBG không đáp ứng yêu cầu của YCBG, bên mời thầu cho phép nhà thầu làm rõ, thay đổi, bổ sung thiết bị để đáp ứng yêu cầu của YCBG trong một khoảng thời gian phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc. Đối với mỗi thiết bị không đáp ứng, nhà thầu chỉ được thay thế một lần. Trường hợp nhà thầu không có thiết bị thay thế đáp ứng yêu cầu của YCBG thì nhà thầu bị loại. Trong mọi trường hợp, nếu nhà thầu kê khai thiết bị chủ yếu không trung thực thì nhà thầu không được thay thế thiết bị khác, BBG của nhà thầu bị loại và nhà thầu sẽ bị coi là gian lận theo quy định của Luật Đấu thầu và bị xử lý theo quy định.

Nhà thầu phải cung cấp thông tin chi tiết về các Thiết bị thi công chủ yếu được đề xuất theo Mẫu tại YCBG để chứng minh rằng mình có đầy đủ thiết bị đáp ứng những yêu cầu sau đây:

Bảng số 03: Yêu cầu về thiết bị thi công chủ yếu

STT	Loại thiết bị và đặc điểm thiết bị	ĐVT	Số lượng tối thiểu cần có
1	Xe nâng (xe nâng người)/xe cẩu	Xe	01

c) Trường hợp nhà thầu trúng thầu và ký kết hợp đồng, nhà thầu có nghĩa vụ huy động nhân sự chủ chốt, thiết bị chủ yếu như đã đề xuất ban đầu hoặc đề xuất thay đổi theo quy định tại Mục này. Trường hợp không huy động được nhân sự chủ chốt, thiết bị chủ yếu, nhà thầu bị phạt hợp đồng, bị đánh giá về uy tín khi tham gia các gói thầu khác.

Bảng chào giá phải đính kèm các tài liệu được sao y các văn bản, chứng chỉ chứng minh năng lực nhân sự tham gia thực hiện gói thầu của nhà thầu như yêu cầu tại bảng nêu trên đính kèm theo YCBG và xuất trình bản gốc khi có yêu cầu để chứng minh. Trường hợp nhân sự không thuộc biên chế của Nhà thầu thì Nhà thầu cần cung cấp tài liệu chứng minh khả năng huy động nhân sự của nhà thầu. Cụ thể, Nhà thầu đính kèm cùng YCBG các tài liệu sau của nhân sự:

1. Nhà thầu cung cấp bản sao y tài liệu chứng minh khả năng huy động nhân sự của Nhà thầu như: Hợp đồng lao động/Thỏa thuận hợp tác/Hợp đồng hợp tác ... (còn hiệu lực);
2. Nhà thầu cung cấp bản sao y để chứng minh nhân sự đã hoàn thành: BB nghiệm thu, hóa đơn GTGT/BB quyết toán thanh lý, Quyết định giao nhiệm vụ... và các tài liệu khác có liên quan
3. Cung cấp bản sao y các tài liệu chứng minh năng lực nhân sự.

Mục 5. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

Nhà thầu được đánh giá là đạt về kỹ thuật khi đáp ứng tất cả các tiêu chuẩn đánh giá sau đây.

TT	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
		Đạt	Không đạt
1	Phạm vi công việc đáp ứng quy định tại chương II – Yêu cầu kỹ thuật		
	Đáp ứng	X	
	Không đáp ứng		X
2	Thời gian, địa điểm thực hiện đáp ứng quy định tại chương II – Yêu cầu kỹ thuật		
	Đáp ứng	X	
	Không đáp ứng		X
3	Nhà thầu phải Cam kết: Mua bảo hiểm tai nạn lao động cho nhân sự; máy móc thiết bị; tiến độ thực hiện; an toàn sức khỏe môi trường,... theo quy định tại chương II		
	Đáp ứng	X	
	Không đáp ứng		X
4	Nhà thầu phải Cam kết: Cung cấp Biện pháp thi công và được Chủ đầu tư phê duyệt trước khi thực hiện công tác		
	Đáp ứng	x	
	Không đáp ứng		x
5	Nhà thầu phải Cam kết: Cung cấp Biện pháp an toàn lao động, vệ sinh môi trường và phòng chống cháy nổ trong quá trình thực hiện công tác		
	Đáp ứng	x	
	Không đáp ứng		x
6	Nhà thầu phải Cam kết: Cung cấp biện pháp an toàn lao động đối với công tác điện, công tác lắp đặt thiết bị		

TT	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
		Đạt	Không đạt
	trong quá trình thực hiện công tác;		
	Đáp ứng	x	
	Không đáp ứng		x
7	Nhà thầu cam kết: Cung cấp đầy đủ giấy phép/giấy kiểm định/chứng từ tương đương liên quan đến thiết bị, phương tiện có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn vệ sinh lao động.		
	Đáp ứng	x	
	Không đáp ứng		x
8	Nhà thầu cam kết mua toàn bộ bảo hiểm tai nạn lao động cho nhân sự thực hiện Hợp đồng		
	Đáp ứng	x	
	Không đáp ứng		x
9	Nhà thầu cam kết nhân viên của nhà thầu phải được huấn luyện ATVSLĐ và được trang bị đầy đủ BHLĐ theo quy định		
	Đáp ứng	x	
	Không đáp ứng		x
10	Cam kết toàn bộ nhân sự của nhà thầu tham gia buổi huấn luyện an toàn bởi người có trách nhiệm của Chủ đầu tư.		
	Đáp ứng	x	
	Không đáp ứng		x

Nhà thầu có BBG đạt yêu cầu về kỹ thuật được xem xét, đánh giá tiếp về giá. Nhà thầu có BBG không đáp ứng theo yêu cầu về kỹ thuật thì bị loại.

Mục 6. Tiêu chuẩn đánh giá về giá: Áp dụng Phương pháp giá thấp nhất:

Cách xác định giá theo các bước sau đây:

Bước 1. Xác định giá dự thầu của dịch vụ, giá dự thầu của dịch vụ sau giảm giá (nếu có) (*chưa bao gồm VAT*)

Bước 2. Sửa lỗi (thực hiện theo quy định tại phần Ghi chú ⁽¹⁾);

Bước 3. Hiệu chỉnh sai lệch (thực hiện theo quy định tại phần Ghi chú ⁽²⁾);

Bước 4. Xác định giá dự thầu của dịch vụ sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giảm giá (nếu có) (*chưa bao gồm VAT*)

Xếp hạng nhà thầu: BBG có giá dự thầu của dịch vụ sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giảm giá (nếu có) (*chưa bao gồm VAT*) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.

Ghi chú:

(1) Sửa lỗi:

Với điều kiện BBG đáp ứng căn bản YCBG, việc sửa lỗi số học và các lỗi khác được tiến hành theo nguyên tắc sau đây:

a) Lỗi số học bao gồm những lỗi do thực hiện các phép tính cộng, trừ, nhân, chia không chính xác khi tính toán giá dự thầu. Trường hợp không nhất quán giữa đơn giá và thành tiền thì lấy đơn giá làm cơ sở cho việc sửa lỗi; nếu phát hiện đơn giá dự thầu có sự sai khác bất thường do lỗi hệ thập phân (10 lần, 100 lần, 1.000 lần) thì thành tiền là cơ sở cho việc sửa lỗi. Trường hợp tại cột “đơn giá” và cột “thành tiền” nhà thầu không ghi giá trị hoặc ghi là “0” thì được coi là nhà thầu đã phân bổ giá của công việc này vào các công việc khác thuộc gói thầu, nhà thầu phải có trách nhiệm thực hiện hoàn thành các công việc này theo đúng yêu cầu nêu trong YCBG và không được Chủ đầu tư thanh toán trong quá trình thực hiện hợp đồng.

b) Các lỗi khác:

- Tại cột thành tiền đã được ghi đầy đủ giá trị nhưng không có đơn giá dự thầu tương ứng thì đơn giá dự thầu được xác định bổ sung bằng cách chia thành tiền cho số lượng; khi có đơn giá dự thầu nhưng cột thành tiền bỏ trống thì giá trị cột thành tiền sẽ được xác định bổ sung bằng cách nhân số lượng với đơn giá dự thầu; nếu một nội dung nào đó có ghi đơn giá dự thầu và giá trị tại cột thành tiền nhưng bỏ trống số lượng thì số lượng bỏ trống được xác định bổ sung bằng cách chia giá trị tại cột thành tiền cho đơn giá dự thầu của nội dung đó. Trường hợp số lượng được xác định bổ sung nêu trên khác với số lượng nêu trong YCBG thì giá trị sai khác đó là sai lệch về phạm vi cung cấp và được hiệu chỉnh theo quy định tại Bước 3;

- Lỗi nhầm đơn vị tính: sửa lại cho phù hợp với yêu cầu nêu trong YCBG;

- Lỗi nhầm đơn vị: sử dụng dấu ",", (dấu phẩy) thay cho dấu "." (dấu chấm) và ngược lại thì được sửa lại cho phù hợp theo cách viết của Việt Nam. Khi Bên mời thầu cho rằng dấu phẩy hoặc dấu chấm trong đơn giá dự thầu rõ ràng đã bị đặt sai chỗ thì trong trường hợp này thành tiền của hạng mục sẽ có ý nghĩa quyết định và đơn giá dự thầu sẽ được sửa lại;

- Nếu có sai sót khi cộng các khoản tiền để ra tổng số tiền thì sẽ sửa lại tổng số tiền theo các khoản tiền;

- Nếu có sự khác biệt giữa con số và chữ viết thì lấy chữ viết làm cơ sở pháp lý cho việc sửa lỗi. Nếu chữ viết sai thì lấy con số sau khi sửa lỗi theo quy định tại Mục này làm cơ sở pháp lý.

(2) Hiệu chỉnh sai lệch:

a) Trường hợp có sai lệch về phạm vi cung cấp thì giá trị phần chào thiếu sẽ được cộng thêm vào, giá trị phần chào thừa sẽ được trừ đi theo mức đơn giá dự thầu tương ứng trong BBG của nhà thầu có sai lệch;

Trường hợp có sai lệch thiếu (thiếu hạng mục công việc so với yêu cầu về phạm vi cung cấp) mà không có đơn giá tương ứng trong BBG của nhà thầu có sai lệch thì thực hiện hiệu chỉnh sai lệch như sau:

Lấy mức đơn giá dự thầu cao nhất đối với hạng mục công việc mà nhà thầu chào thiếu trong số các BBG khác vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật để làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch; trường hợp trong BBG của các nhà thầu vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật không có đơn giá dự thầu của công việc này thì lấy đơn giá trong dự toán được duyệt của gói thầu làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch; trường hợp không có dự toán gói thầu thì căn cứ vào đơn giá hình thành giá gói thầu làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch.

Trường hợp chỉ có một nhà thầu duy nhất vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật thì tiến hành hiệu chỉnh sai lệch trên cơ sở lấy mức đơn giá dự thầu tương ứng trong BBG của nhà thầu này; trường hợp BBG của nhà thầu không có đơn giá dự thầu tương ứng thì lấy mức đơn giá trong dự toán của gói thầu được duyệt làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch; trường hợp không có dự toán gói thầu thì căn cứ vào đơn giá hình thành giá gói thầu làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch.

b) Trường hợp nhà thầu có thư giảm giá, việc sửa lỗi và hiệu chỉnh sai lệch được thực hiện trên cơ sở giá dự thầu chưa trừ đi giá trị giảm giá. Tỷ lệ phần trăm (%) của sai lệch thiếu được xác định trên cơ sở so với giá dự thầu ghi trong đơn chào hàng.

Mục 7. Đơn chào hàng, giá chào và biểu giá

1. Nhà thầu phải nộp đơn chào hàng, bảng tiến độ thực hiện, bảng chào giá dịch vụ theo mẫu tại Chương III, các ô để trống phải điền đầy đủ thông tin theo yêu cầu.

Trường hợp tại cột “đơn giá” và cột “thành tiền” của một mục mà nhà thầu không ghi giá trị hoặc ghi là “0” thì được coi là nhà thầu đã phân bổ giá của mục này vào các mục khác thuộc gói thầu, nhà thầu phải có trách nhiệm thực hiện tất cả các công việc theo yêu cầu nêu trong bản yêu cầu báo giá với đúng giá đã chào.

2. Giá chào là giá do nhà thầu ghi trong đơn chào hàng, bao gồm toàn bộ các chi phí (chưa tính giảm giá) để thực hiện gói thầu trên cơ sở yêu cầu của bản yêu cầu báo giá, kể cả thuế, phí, lệ phí và chi phí liên quan khác và thuế suất VAT. Trường hợp nhà thầu tuyên bố giá chào không bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) thì báo giá của nhà thầu sẽ bị loại.

3. Trường hợp nhà thầu có đề xuất giảm giá thì đề xuất riêng trong thư giảm giá hoặc có thể ghi trực tiếp vào đơn chào hàng và bảo đảm bên mời thầu nhận được trước thời điểm hết hạn nộp báo giá. Trong đề xuất giảm giá, nhà thầu cần nêu rõ nội dung và cách thức giảm giá vào các hạng mục cụ thể nêu trong phạm vi công việc. Trường hợp không nêu rõ cách thức giảm giá thì được hiểu là giảm đều theo tỷ lệ cho tất cả hạng mục.

Mục 8. Thành phần báo giá

Bản Báo giá do nhà thầu chuẩn bị phải bao gồm các nội dung sau:

- 1) Đơn chào hàng theo Mẫu tại Chương III;
- 2) Bảng tiến độ thực hiện theo Mẫu tại Chương III;
- 3) Bảng chào giá dịch vụ theo Mẫu tại Chương III;
- 4) Biểu kê khai Hợp đồng tương tự theo Mẫu tại Chương III;
- 5) Các nội dung cần thiết khác:
 - a. Bản sao chứng thực hợp đồng tương tự và các tài liệu liên quan (hóa đơn và biên bản nghiệm thu/biên bản thanh lý quyết toán/xác nhận của Chủ đầu tư về hoàn thành hợp đồng) theo quy định tại YCBG;
 - b. Hồ sơ/tài liệu chứng minh về việc đáp ứng các yêu cầu về kỹ thuật được nêu tại Chương II của Yêu cầu báo giá.

Mục 9. Thời hạn hiệu lực của báo giá

Thời gian có hiệu lực của báo giá là 60 ngày, kể từ ngày có thời điểm ngừng tiếp nhận YCBG.

Mục 10. Nộp, tiếp nhận, đánh giá Bản báo giá

1. Nhà thầu phải nộp Bản báo giá trực tiếp hoặc qua đường bưu điện về địa chỉ: Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2; Địa chỉ Ấp 3, xã Đại Phước, Thành phố Đồng Nai không được muộn hơn 15h00 ngày 19/08/2026. Các Bản báo giá được gửi đến bên mời thầu sau thời điểm hết hạn nộp báo giá sẽ không được xem xét.

2. Bên mời thầu chịu trách nhiệm bảo mật các thông tin trong báo giá của từng nhà thầu. Ngay sau khi kết thúc thời hạn nộp báo giá, bên mời thầu lập văn bản tiếp nhận các báo giá bao gồm tối thiểu các nội dung: tên nhà thầu, giá chào, thời gian có hiệu lực của báo giá và gửi văn bản tiếp nhận này đến các nhà thầu đã nộp báo giá.

3. Bên mời thầu so sánh các báo giá theo bản yêu cầu báo giá. Trong quá trình đánh giá các báo giá, bên mời thầu có thể mời nhà thầu có giá chào thấp nhất đến thương thảo hợp đồng.

Mục 11. Điều kiện xét duyệt trúng thầu

Nhà thầu được xem xét, đề nghị trúng thầu khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

1. Có báo giá đáp ứng tất cả các yêu cầu trong bản yêu cầu báo giá;
2. Có giá dự thầu của dịch vụ sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giảm giá (nếu có) (chưa bao gồm VAT) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất và giá đề nghị trúng thầu không vượt dự toán gói thầu được duyệt.

Mục 12. Công khai kết quả lựa chọn nhà thầu

1. Kết quả lựa chọn nhà thầu sẽ được công bố trên website của Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2.

2. Sau khi nhận được thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu, nếu có nhà thầu không trúng thầu gửi văn bản hỏi về lý do không được lựa chọn thì trong vòng 05 ngày làm việc nhưng trước ngày ký kết hợp đồng, bên mời thầu sẽ có văn bản trả lời gửi cho nhà thầu.

Mục 13. Giải quyết kiến nghị

Nhà thầu có quyền kiến nghị về kết quả lựa chọn nhà thầu và những vấn đề liên quan trong quá trình tham gia chào hàng cạnh tranh khi thấy quyền, lợi ích của mình bị ảnh hưởng theo quy định của Luật đấu thầu.

CHƯƠNG II. YÊU CẦU KỸ THUẬT

1. Thời gian, địa điểm:

- Thông tin gói thầu: Thuê dịch vụ siết lại các mối nối bị phát nhiệt và kiểm tra, khắc phục tình trạng tiếp xúc kém các mối nối của phát tuyến tổ máy tại sân trạm 220kV Nhà máy điện Nhơn Trạch 2.
- Địa điểm thực hiện: Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 - ấp 3 xã Đại Phước, Thành phố Đồng Nai.
- Thời gian thực hiện gói thầu: 30 ngày kể từ ngày ký hợp đồng.
- Thời gian thực hiện công việc: Trong vòng 3 ngày kể từ ngày có yêu cầu của Chủ đầu tư.

2. Phạm vi công việc:

Stt	Nội dung công việc	Đơn vị	Số lượng	Thời gian thực hiện
1	Siết lại các mối nối bị phát nhiệt và kiểm tra, khắc phục tình trạng tiếp xúc kém các mối nối của phát tuyến tổ máy ST4, GT5, GT6. Thay mới bát sứ bị vỡ tại chuỗi sứ treo sau DCL 235-3, ngăn D05	Gói	01	Trong vòng 3 ngày

3. Các yêu cầu về kỹ thuật

Công tác Siết lại các mối nối bị phát nhiệt và kiểm tra, khắc phục tình trạng tiếp xúc kém các mối nối của phát tuyến tổ máy ST4, GT5, GT6. Thay mới bát sứ bị vỡ tại chuỗi sứ treo sau DCL 235-3, ngăn D05 phải được tuân thủ theo Biện pháp thi công, Biện pháp an toàn quy định và các quy trình, quy chuẩn quy định.

3.1 Yêu cầu về Giấy phép, Giấy chứng nhận:

- Các phương tiện, thiết bị, công cụ dụng cụ và máy thi công phục vụ công tác phải được kiểm tra trước khi sử dụng.
- Các thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động phục vụ công tác phải được kiểm định định kỳ.

3.2 Các yêu cầu khác về nhân sự:

- Nhân sự phải được mua bảo hiểm tai nạn lao động cho nhân sự thực hiện hợp đồng;

- Nhân sự phải được huấn luyện ATVSLĐ và được trang bị đầy đủ BHLĐ theo quy định.
- Toàn bộ nhân sự của nhà thầu phải tham gia buổi huấn luyện an toàn bởi người có trách nhiệm của Chủ đầu tư.

3.3 Biện pháp thi công và Quy trình thực hiện:

- Có biện pháp thi công được Chủ đầu tư phê duyệt trước và trong quá trình thực hiện công tác;
- Có biện pháp an toàn lao động, vệ sinh môi trường và phòng chống cháy nổ trong quá trình thực hiện công tác;
- Có biện pháp an toàn lao động đối với công tác điện, công tác lắp đặt thiết bị trong quá trình thực hiện công tác;

CHƯƠNG III. BIỂU MẪU CHÀO HÀNG

Stt	Biểu mẫu	Cách thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	
			Bên mời thầu	Nhà thầu
1	Mẫu số 01. Đơn chào hàng			X
2	Mẫu số 02. Bảng đề xuất tiến độ thực hiện			X
3	Mẫu số 03. Bảng giá dự thầu dịch vụ			X

ĐƠN CHÀO HÀNG ⁽¹⁾

Ngày: ____

Tên gói thầu: ____

Kính gửi: ____

Sau khi nghiên cứu yêu cầu báo giá, chúng tôi:

- Tên nhà thầu: ____

- Số đăng ký kinh doanh: ____

cam kết thực hiện gói thầu ____ với các thông tin chính như sau:

Theo đúng yêu cầu nêu trong yêu cầu báo giá với tổng số tiền là ____ với các bảng tổng hợp giá dự thầu kèm theo.

Ngoài ra, chúng tôi tự nguyện giảm giá dự thầu với tỷ lệ phần trăm giảm giá là ____ *[Ghi tỷ lệ giảm giá]*.

Giá dự thầu sau khi trừ đi giá trị giảm giá là: ____.

Thời gian thực hiện gói thầu là 180 ngày kể từ ngày ký hợp đồng.

Hiệu lực của báo giá: ____

Chúng tôi cam kết:

1. Chỉ tham gia trong một báo giá này với tư cách là nhà thầu chính hoặc đại diện liên danh trong trường hợp nhà thầu có liên danh.
2. Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật.
3. Không vi phạm quy định về bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu.
4. Không thực hiện các hành vi tham nhũng, hối lộ, thông thầu, cản trở và các hành vi vi phạm quy định khác của pháp luật đấu thầu khi tham dự gói thầu này.
5. Những thông tin kê khai trong hồ sơ dự thầu là trung thực.

Nếu báo giá của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi sẽ thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Chương IV.

Đại diện hợp pháp của nhà thầu
[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

BẢNG TIẾN ĐỘ GÓI THẦU
(nhà thầu đề xuất)

Nhà thầu đề xuất tiến độ thực hiện phù hợp với yêu cầu của Bên mời thầu

STT	Thời gian thực hiện gói thầu theo yêu cầu của bên mời thầu	Thời gian thực hiện dịch vụ do nhà thầu đề xuất
1	30 ngày kể từ ngày ký hợp đồng. Trong đó, thời gian thực hiện công việc là trong vòng 3 ngày kể từ ngày có yêu cầu của Chủ đầu tư	

BẢNG GIÁ DỰ THẦU CỦA DỊCH VỤ

Stt	Nội dung công việc	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá chào (chưa bao gồm thuế VAT)	Thành tiền (chưa bao gồm thuế VAT)	Thuế VAT	Thành tiền (đã bao gồm thuế VAT)
(1)	(2)	(3)	(4)	(6)			(7)=(4)x(6)
1					M1*		M1
....	...						
n					Mn*		Mn
3	(M*)						

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

- Nhà thầu điền nội dung bảng giá chào giá dịch vụ theo yêu cầu tại Chương III.
- Thành tiền M1*, ... Mn*, (M*) đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có), nhưng chưa bao gồm thuế VAT là cơ sở để so sánh, xếp hạng nhà thầu. Giá trị thuế VAT sẽ không được xem xét trong quá trình đánh giá để so sánh, xếp hạng nhà thầu. Giá đề nghị trúng thầu và giá hợp đồng phải bao gồm thuế VAT.

Mẫu số 04

HỢP ĐỒNG TƯƠNG TỰ DO NHÀ THẦU THỰC HIỆN⁽¹⁾

—, ngày ____ tháng ____ năm ____

- Tên nhà thầu: ____ [ghi tên đầy đủ của nhà thầu]
- Thông tin về từng hợp đồng, mỗi hợp đồng cần bảo đảm các thông tin sau đây:

Tên và số hợp đồng	[ghi tên đầy đủ của hợp đồng, số ký hiệu]		
Ngày ký hợp đồng	[ghi ngày, tháng, năm]		
Ngày hoàn thành	[ghi ngày, tháng, năm]		
Giá hợp đồng	[ghi tổng giá hợp đồng bằng số tiền và đồng tiền đã ký]		Tương đương ____ VND
Trong trường hợp là thành viên trong liên danh, ghi giá trị phần hợp đồng mà nhà thầu đảm nhiệm	[ghi phần trăm giá hợp đồng trong tổng giá hợp đồng]	[ghi số tiền và đồng tiền đã ký]	Tương đương ____ VND
Tên dự án:	[ghi tên đầy đủ của dự án có hợp đồng đang kê khai]		
Tên Chủ đầu tư:	[ghi tên đầy đủ của Chủ đầu tư trong hợp đồng đang kê khai]		
Địa chỉ:	[ghi đầy đủ địa chỉ hiện tại của Chủ đầu tư]		
Điện thoại/fax:	[ghi số điện thoại, số fax kể cả mã quốc gia, mã vùng, địa chỉ e-mail]		
E-mail:			
Mô tả tính chất tương tự theo quy định tại Mục 3 Chương I – Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực kinh nghiệm ⁽²⁾ .			
1. Loại dịch vụ	[ghi thông tin phù hợp]		
2. Về giá trị	[ghi số tiền bằng VND]		
3. Về quy mô thực hiện	[ghi quy mô theo hợp đồng]		
4. Các đặc tính khác	[ghi các đặc tính khác nếu cần thiết]		

- Hợp đồng hoàn thành là hợp đồng có toàn bộ hàng hóa đã được nghiệm thu hoặc hợp đồng đã được thanh lý. Nhà thầu nộp bản sao y các tài liệu: BB nghiệm thu, hóa đơn GTGT/BB quyết toán thanh lý, tài liệu liên quan để chứng minh đã hoàn thành hợp đồng.

- Ghi chú:
- (1) Trong trường hợp liên danh, từng thành viên trong liên danh kê khai theo Mẫu này.
- (2) Nhà thầu chỉ kê khai nội dung tương tự với yêu cầu của gói thầu.

BẢNG ĐỀ XUẤT NHÂN SỰ

STT	Họ và Tên	Vị trí công việc
1	...	<i>[ghi cụ thể vị trí công việc đảm nhận trong gói thầu]</i>
2		
...		

BẢNG LÝ LỊCH CHUYÊN MÔN CỦA NHÂN SỰ

Thông tin nhân sự						Công việc hiện tại					
Stt	Tên	Căn cước công dân/Hộ chiếu	Vị trí	Ngày, tháng, năm sinh	Chứng chỉ/Trình độ chuyên môn	Tên người sử dụng lao động	Địa chỉ của người sử dụng lao động	Chức danh	Số năm làm việc cho người sử dụng lao động hiện tại	Người liên lạc (trưởng phòng / cán bộ phụ trách nhân sự)	Điện thoại/ Fax/ Email
1	[ghi tên nhân sự 1]										
2	[ghi tên nhân sự 2]										
...											
n	[ghi tên nhân sự n]										

Nhà thầu phải cung cấp tất cả các thông tin được yêu cầu và chuẩn bị tài liệu để đối chiếu (bản chụp được chứng thực các văn bằng, chứng chỉ có liên quan, kinh nghiệm chuyên môn được kê khai tại Mẫu 06C Chương IV) trong quá trình đối chiếu tài liệu.

BẢNG KINH NGHIỆM CHUYÊN MÔN⁽¹⁾

STT	Tên nhân sự	Từ ngày	Đến ngày	Công ty/Dự án/Chức vụ/Hợp đồng/ Kinh nghiệm chuyên môn và quản lý có liên quan
1	[ghi tên nhân sự 1]	...	...	...
2				
...	...			

Ghi chú (1): Liệt kê theo trình tự thời gian quá trình công tác của chuyên gia, không cần liệt kê các công việc đã làm không phù hợp hoặc không liên quan với công việc đang yêu cầu.

CHƯƠNG IV: HỢP ĐỒNG VÀ BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG

Mẫu số 06

BẢO LÃNH THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG

____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Kính gửi: ____ [ghi tên Chủ đầu tư] (sau đây gọi là “Chủ đầu tư”)

Theo đề nghị của ____ [ghi tên Nhà thầu] (sau đây gọi là “Nhà thầu”) là nhà thầu đã trúng thầu gói thầu ____ [ghi tên gói thầu] và cam kết sẽ ký kết hợp đồng cung cấp hàng hóa cho gói thầu trên (sau đây gọi là “Hợp đồng”); ⁽¹⁾

Theo quy định trong E-HSMT (hoặc hợp đồng), Nhà thầu phải nộp cho Chủ đầu tư bảo lãnh của một ngân hàng với một khoản tiền xác định để bảo đảm nghĩa vụ và trách nhiệm của mình trong việc thực hiện hợp đồng;

Chúng tôi, ____ [ghi tên của ngân hàng] có trụ sở đăng ký tại ____ [ghi địa chỉ của ngân hàng⁽²⁾] (sau đây gọi là “Ngân hàng”), xin cam kết bảo lãnh cho việc thực hiện hợp đồng của Nhà thầu với số tiền là ____ [ghi rõ giá trị tương ứng bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng theo quy định tại YCBG]. Chúng tôi cam kết thanh toán vô điều kiện, không hủy ngang cho Chủ đầu tư bất cứ khoản tiền nào trong giới hạn ____ [ghi số tiền bảo lãnh] như đã nêu trên, khi có văn bản của Chủ đầu tư thông báo Nhà thầu vi phạm hợp đồng trong thời hạn hiệu lực của bảo lãnh thực hiện hợp đồng.

Bảo lãnh này có hiệu lực kể từ ngày phát hành cho đến hết ngày ____ tháng ____ năm ____ ⁽³⁾.

Đại diện hợp pháp của ngân hàng

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Nếu ngân hàng bảo lãnh yêu cầu phải có hợp đồng đã ký mới cấp giấy bảo lãnh thì Bên mời thầu sẽ báo cáo Chủ đầu tư xem xét, quyết định. Trong trường hợp này, đoạn trên có thể sửa lại như sau:

“Theo đề nghị của ____ [ghi tên Nhà thầu] (sau đây gọi là “Nhà thầu”) là nhà thầu trúng thầu gói thầu ____ [ghi tên gói thầu] đã ký hợp đồng số ____ [ghi số hợp đồng] ngày ____ tháng ____ năm ____ (sau đây gọi là “Hợp đồng”).”

(2) Địa chỉ ngân hàng: ghi rõ địa chỉ, số điện thoại, số fax, e-mail để liên hệ.

(3) Ghi thời hạn phù hợp với yêu cầu quy định tại Điều 11 Chương IV.

GIẤY ỦY QUYỀN ⁽¹⁾

Hôm nay, ngày ____ tháng ____ năm ____, tại ____

Tôi là ____ [ghi tên, số CCCD hoặc số hộ chiếu, chức danh của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu], là người đại diện theo pháp luật của ____ [ghi tên nhà thầu] có địa chỉ tại ____ [ghi địa chỉ của nhà thầu] bằng văn bản này ủy quyền cho ____ [ghi tên, số CCCD hoặc số hộ chiếu, chức danh của người được ủy quyền] thực hiện các công việc sau đây trong quá trình tham dự thầu gói thầu ____ [ghi tên gói thầu] thuộc dự án/dự toán mua sắm ____ [ghi tên dự án/dự toán mua sắm] do ____ [ghi tên Chủ đầu tư] tổ chức:

[- Tham gia quá trình hoàn thiện hợp đồng;

- Ký kết hợp đồng với Chủ đầu tư nếu được lựa chọn]⁽²⁾.

Người được ủy quyền nêu trên chỉ thực hiện các công việc trong phạm vi ủy quyền với tư cách là đại diện hợp pháp của ____ [ghi tên nhà thầu]. ____ [ghi tên người đại diện theo pháp luật của nhà thầu] chịu trách nhiệm hoàn toàn về những công việc do ____ [ghi tên người được ủy quyền] thực hiện trong phạm vi ủy quyền.

Giấy ủy quyền có hiệu lực kể từ ngày ____ đến ngày ____⁽³⁾. Giấy ủy quyền này được lập thành ____ bản có giá trị pháp lý như nhau, người ủy quyền giữ ____ bản, người được ủy quyền giữ ____ bản, Bên mời thầu giữ ____ bản.

Người được ủy quyền

[ghi tên, chức danh, ký tên và
đóng dấu (nếu có)]

Người ủy quyền

[ghi tên người đại diện theo pháp luật của
nhà thầu, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Trường hợp ủy quyền thì bản gốc giấy ủy quyền phải được gửi cho Bên mời thầu khi hoàn thiện, ký hợp đồng. Việc ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu cho cấp phó, cấp dưới, giám đốc chi nhánh, người đứng đầu văn phòng đại diện của nhà thầu để thay mặt cho người đại diện theo pháp luật của nhà thầu thực hiện một hoặc các nội dung công việc nêu trên đây. Việc sử dụng con dấu trong trường hợp được ủy quyền có thể là dấu của nhà thầu hoặc dấu của đơn vị mà cá nhân liên quan được ủy quyền. Người được ủy quyền không được tiếp tục ủy quyền cho người khác.

(2) Phạm vi ủy quyền bao gồm một hoặc nhiều công việc nêu trên.

(3) Ghi ngày có hiệu lực và ngày hết hiệu lực của giấy ủy quyền phù hợp với quá trình hoàn thiện, ký hợp đồng và phải bảo đảm ngày có hiệu lực trước ngày thực hiện các công việc được ủy quyền.

HỢP ĐỒNG⁽¹⁾

____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Hợp đồng số: _____

Gói thầu: _____ [ghi tên gói thầu]

Thuộc dự án: _____ [ghi tên dự án]

- Căn cứ⁽²⁾ ____ (Bộ luật Dân sự ngày 24 tháng 11 năm 2015);

- Căn cứ Quyết định số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ của ____ về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu ____ [ghi tên gói thầu] và Thông báo chấp thuận BBG và trao hợp đồng số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ của Bên mời thầu;

- Căn cứ biên bản hoàn thiện hợp đồng đã được Bên mời thầu và nhà thầu trúng thầu ký ngày ____ tháng ____ năm ____;

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký hợp đồng, gồm có:

Chủ đầu tư (sau đây gọi là Bên A)

Tên Chủ đầu tư: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Fax: _____

E-mail: _____

Tài khoản: _____

Mã số thuế: _____

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Giấy ủy quyền ký hợp đồng số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ (trường hợp được ủy quyền).

Nhà thầu (sau đây gọi là Bên B)

Tên nhà thầu: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Fax: _____

E-mail: _____

Tài khoản: _____

Mã số thuế: _____

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Giấy ủy quyền ký hợp đồng số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ (trường hợp được ủy quyền).

Sau khi bàn bạc thống nhất, hai bên cùng nhất trí ký kết thực hiện hợp đồng với các điều kiện điều khoản như sau:

ĐIỀU 1: ĐỊNH NGHĨA

- 1.1 “Hợp đồng” được hiểu là văn bản được ký kết giữa Bên A và Bên B.
- 1.2 “Phạm vi công việc” được hiểu là cung cấp dịch vụ chi tiết tại Điều 2 – Phạm vi công việc.
- 1.3 Ngày: là ngày dương lịch, được tính liên tục, kể cả ngày lễ và ngày nghỉ cuối tuần.
- 1.4 Tuần: là 07 ngày.

ĐIỀU 2: PHẠM VI CÔNG VIỆC, CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ

- Bên A đồng ý giao, Bên B đồng ý nhận thực hiện công việc cụ thể như Phụ lục 1 đính kèm.
- Dịch vụ phải đáp ứng đầy đủ theo quy định của Hợp đồng.

ĐIỀU 3: THÀNH PHẦN HỢP ĐỒNG

Thành phần Hợp đồng và thứ tự ưu tiên pháp lý như sau:

1. Văn bản hợp đồng (kèm theo Phạm vi công việc và bảng giá cùng các Phụ lục khác);
2. Biên bản thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;
3. YCBG, Báo giá
4. Các tài liệu kèm theo khác (nếu có).

ĐIỀU 4: TRÁCH NHIỆM CỦA BÊN A

- Thông báo cụ thể cho Bên B bằng văn bản thời gian thực hiện công việc trước 01 ngày.
- Cung cấp các tài liệu kỹ thuật có liên quan cho bên B trước khi tiến hành công việc.
- Chuẩn bị hiện trường thuận nhất và tạo mọi điều kiện thuận lợi khi bên B bắt đầu thực hiện công việc.
- Giám sát kỹ thuật và quản lý chất lượng công trình theo đúng các quy định hiện hành của Nhà nước.

- Phối hợp với bên B kịp thời giải quyết các khó khăn vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng.
- Thanh toán cho Bên B kịp thời và đầy đủ;
- Thực hiện đầy đủ các điều khoản như đã quy định trong hợp đồng và thanh toán cho Bên B theo quy định của Hợp đồng này.
- Kiểm tra khi Bên B thực hiện công việc có đảm bảo tiêu chuẩn và tiến độ được quy định trong hợp đồng.
- Kiểm tra chất lượng, nghiệm thu công việc do Bên B thực hiện theo đúng yêu cầu.

ĐIỀU 5: TRÁCH NHIỆM CỦA BÊN B

- Thông báo bằng văn bản cho Bên A khi có thay đổi tài khoản nhận tiền.
- Nhận bàn giao và quản lý mặt bằng, các tài liệu có liên quan do bên A giao để triển khai công việc.
- Thực hiện các công việc theo Phạm vi công việc của hợp đồng, đảm bảo đúng quy phạm hiện hành và đảm bảo tiến độ yêu cầu đối với từng công việc.
- Tổ chức thực hiện công việc theo các điều kiện của hợp đồng.
- Chấp hành sự giám sát của các cán bộ giám sát bên A trong suốt thời gian thực hiện hợp đồng.
- Chịu trách nhiệm về kỹ thuật, chất lượng, tiến độ và an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp khi tiến hành công việc.
- Cấp chứng nhận đã mua bảo hiểm tai nạn lao động cho nhân sự thực hiện 24/7;
- Nhân sự của nhà thầu phải được huấn luyện ATVSLĐ và được trang bị đầy đủ BHLĐ theo quy định;
- Toàn bộ nhân sự của Bên B phải tham gia buổi huấn luyện an toàn bởi người có trách nhiệm của Bên A;
- Có biện pháp an toàn lao động, vệ sinh môi trường và phòng chống cháy nổ trong quá trình thực hiện công tác;
- Có biện pháp phối hợp và đảm bảo an toàn cho thiết bị và con người trong quá trình thực hiện công tác;
- Có biện pháp an toàn lao động đối với công tác điện, công tác lắp đặt thiết bị trong quá trình thực hiện công tác;
- Tuân thủ nội quy phòng cháy và chữa cháy, nội quy sử dụng điện của Bên A tại Nhà máy điện, phải áp dụng tất cả các biện pháp phòng cháy chữa cháy cần thiết, trang bị và duy trì bằng chi phí của Bên B các trang thiết bị phòng cháy chữa cháy lưu động mà Bên B hoặc Bên A cho là cần thiết, và tuân theo mọi quy định hiện hành của luật pháp Việt Nam về phòng chống cháy nổ;

- Áp dụng tất cả các biện pháp thích hợp để bảo vệ môi trường (cả khu vực trong Nhà máy) để giới hạn thiệt hại và ảnh hưởng đối với người và tài sản do ô nhiễm, tiếng ồn và do các hoạt động của Bên B
- Bàn giao kết quả thí nghiệm cho bên A khi công việc hoàn thành.
- Phối hợp với bên A lập đầy đủ các hồ sơ nghiệm thu thanh toán.

ĐIỀU 6: GIÁ TRỊ HỢP ĐỒNG VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

6.1 Giá hợp đồng:

- Tổng giá trị hợp đồng đã bao gồm các loại thuế, phí, lệ phí và toàn bộ các chi phí mà Bên B phải chịu để thực hiện công việc là.....VND (*Bằng chữ:*).

6.2 Loại hợp đồng: Trọn gói.

6.3 Thời gian và tiến độ thực hiện hợp đồng:

- Thời gian thực hiện hợp đồng: 50 ngày kể từ ngày ký hợp đồng (bao gồm cả ngày nghỉ, ngày Lễ, tết).
- Thời gian thực hiện gói thầu: 30 ngày kể từ ngày ký hợp đồng.
- Thời gian thực hiện công việc: Trong vòng 3 ngày kể từ ngày có yêu cầu của Chủ đầu tư

6.4 Phương thức và đồng tiền thanh toán:

6.4.1 Phương thức thanh toán: Bằng chuyển khoản.

6.4.2 Đồng tiền thanh toán: Việt Nam Đồng.

6.4.3 Số lần thanh toán: số lần thanh toán 01 lần (không tạm ứng)

6.4.4 Thời hạn thanh toán:

Thanh toán 100% giá trị dịch vụ. Thời gian thanh toán trong vòng 15 ngày kể từ khi Bên A nhận được bộ Hồ sơ thanh toán 100% giá trị theo quy định như điều 6.5 dưới đây.

6.5 Hồ sơ thanh toán, bao gồm:

Hồ sơ thanh toán 100% giá trị hợp đồng gồm:

- 01 bản gốc công văn đề nghị thanh toán;
- 01 bản gốc hóa đơn GTGT theo quy định của Bộ Tài Chính có giá trị bằng 100% giá trị công việc thực hiện của Hợp đồng (đồng thời gửi đường link tra cứu hóa đơn điện tử về địa chỉ mail: phong.tckt@pvnt2.com.vn);
- 01 bản gốc biên bản nghiệm thu hoàn thành công việc;
- 01 bản gốc biên bản quyết toán thanh lý hợp đồng;

ĐIỀU 7: THỰC HIỆN CÔNG VIỆC, NGHIỆM THU

- Thời gian thực hiện dịch vụ: Bên B sẽ thực hiện dịch vụ theo tiến độ quy định tại

hợp đồng:

❖ Thông báo: Bên B sẽ gửi thông báo sẵn sàng thực hiện dịch vụ bằng văn bản cho Bên A trước ngày 03 ngày thực hiện dịch vụ để Bên A phối hợp triển khai thực hiện;

❖ Quá trình thực hiện dịch vụ

- Sau khi Bên B hoàn thành công việc, hai Bên sẽ phối hợp nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng, ký Biên bản nghiệm thu hoàn thành bàn giao và đưa vào sử dụng. Ngày ký Biên bản nghiệm thu hoàn thành bàn giao và đưa vào sử dụng là ngày được dùng để xác định thực hiện hợp đồng có chậm hay không và được dùng tính phạt do triển khai công việc chậm theo quy định của hợp đồng.

ĐIỀU 8: SỬA ĐỔI BỔ SUNG, GIA HẠN VÀ CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG

8.1 Sửa đổi bổ sung:

Trường hợp cần thiết điều chỉnh hoặc bổ sung, hai bên sẽ thỏa thuận bằng văn bản kèm theo hợp đồng này.

8.2 Gia hạn hợp đồng:

Trong thời gian thực hiện hợp đồng, nếu Bên B gặp khó khăn gây chậm trễ trong việc thực hiện theo thời gian quy định tại Hợp đồng này thì Bên B phải thông báo cho Bên A biết đồng thời nêu rõ lý do cùng với thời gian dự tính kéo dài. Khi nhận được thông báo của Bên B, Bên A phải trả lời Bên B bằng văn bản trong vòng 03 ngày. Việc Bên A đồng ý gia hạn Hợp đồng sẽ là cơ sở để hai Bên thương thảo ký kết phụ lục bổ sung Hợp đồng. Ngoài ra trong quá trình thực hiện Hợp đồng Bên A cần phải nâng cấp hệ thống thiết bị Nhà máy để đáp ứng yêu cầu theo quy định của hồ sơ cấp độ sẽ là cơ sở để hai Bên thương thảo ký kết phụ lục bổ sung Hợp đồng.

8.3 Chấm dứt hợp đồng:

- Bên A có thể chấm dứt việc thực hiện một phần hoặc toàn bộ Hợp đồng bằng cách thông báo bằng văn bản cho Bên B khi Bên B không thực hiện một phần hoặc toàn bộ nội dung công việc theo Hợp đồng trong thời hạn đã nêu trong Hợp đồng hoặc khoảng thời gian đã được Bên A gia hạn thêm như Khoản 8.2 Điều này.
- Khi Bên A chấm dứt việc thực hiện một phần hay toàn bộ Hợp đồng, Bên A có thể ký hợp đồng với nhà cung cấp khác để thực hiện phần Hợp đồng bị chấm dứt đó. Bên B sẽ chịu trách nhiệm bồi thường cho Bên A những chi phí vượt trội cho việc thực hiện phần Hợp đồng bị chấm dứt này. Nếu Bên A không tìm được đơn vị cung cấp khác thì Bên B phải chịu phạt 8% giá trị phần nghĩa vụ hợp đồng bị vi phạm.

ĐIỀU 9: TRƯỜNG HỢP BẤT KHẢ KHÁNG

9.1 Quy định về bất khả kháng:

Bất khả kháng được hiểu là sự kiện nằm ngoài tầm kiểm soát và khả năng lường trước của các Bên, không liên quan đến sai phạm hoặc sơ suất của các Bên chẳng hạn như: chiến tranh, bạo loạn, dịch bệnh, khủng bố, hay những trường hợp tương

tự có ảnh hưởng đến việc thực hiện công việc của Bên B mà hai bên chịu ảnh hưởng, không thể kiểm soát, điều khiển được.

9.2 Thủ tục về bất khả kháng:

Khi xảy ra trường hợp bất khả kháng, các bên phải kịp thời thông báo bằng văn bản cho nhau về sự kiện đó và nguyên nhân gây ra sự kiện. Đồng thời, Bên bị xảy ra sự kiện bất khả kháng phải chuyển cho Bên kia giấy xác nhận về sự kiện bất khả kháng đó được cấp bởi một tổ chức có thẩm quyền tại nơi xảy ra sự kiện bất khả kháng. Trừ khi có ý kiến của Bên kia bằng văn bản, Bên bị xảy ra sự kiện bất khả kháng vẫn phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ hợp đồng của mình theo hoàn cảnh thực tế cho phép và phải tìm mọi biện pháp hợp lý để thực hiện các phần không bị ảnh hưởng của trường hợp bất khả kháng.

Bên bị xảy ra sự kiện bất khả kháng sẽ không bị bồi thường thiệt hại hay chấm dứt Hợp đồng.

ĐIỀU 10: PHẠT VI PHẠM HỢP ĐỒNG

- Trừ trường hợp bất khả kháng như quy định tại Điều 10, nếu Bên B không thực hiện một phần hay toàn bộ nội dung công việc theo hợp đồng trong thời hạn đã nêu trong hợp đồng hoặc trong khoảng thời gian đã được Bên A gia hạn, thì Bên A có quyền khấu trừ khoản tiền phạt tương ứng với 0,3% giá trị trước thuế VAT từng hạng mục công việc chậm thực hiện theo quy định của hợp đồng và mức tối đa không quá 8% giá trị phần nghĩa vụ hợp đồng trước thuế bị vi phạm. Khi thời gian thực hiện công việc vượt quá 4 tuần so với thời hạn thực hiện hợp đồng, Bên A có thể xem xét việc chấm dứt Hợp đồng và tịch thu tiền bảo lãnh thực hiện hợp đồng của Bên B.

ĐIỀU 11: PHẠT DO CHẬM NGHIỆM THU THANH TOÁN

- Trong vòng 07 (bảy) ngày làm việc sau khi Bên B hoàn thành bàn giao tài liệu, Bên A không tiến hành nghiệm thu công việc của Bên B mà không đưa ra được lý do chính đáng bằng văn bản thì Bên A sẽ bồi thường thiệt hại cho Bên B khoản tiền phạt tương ứng với 0,3% giá trị hạng mục công việc trước thuế chưa nghiệm thu cho mỗi ngày chậm nghiệm thu và mức tối đa không quá 8% giá trị phần công việc chưa nghiệm thu.
- Trong trường hợp Bên A chậm thanh toán cho Bên B theo quy định tại Điều 6 hợp đồng. Bên A sẽ bồi thường cho Bên B khoản tiền phạt chậm thanh toán được tính trên cơ sở từ ngày sau ngày đến hạn thanh toán đến ngày thanh toán thực tế với lãi suất được tính bằng trung bình của lãi suất tiền gửi bằng đồng Việt Nam vào ngày đến hạn thanh toán kỳ hạn 12 tháng trả sau dành cho khách hàng cá nhân của 03 ngân hàng thương mại (gồm: Vietcombank, VietinBank và BIDV) theo số ngày chậm trả thực tế.

ĐIỀU 12: Phạt do vi phạm quy định về ATSKMT

Phạt do không tuân thủ các biện pháp bảo đảm an toàn, phòng chống cháy nổ và giữ gìn vệ sinh môi trường trong suốt quá trình thi công trên công trường, cụ thể:

- Không tuân thủ đầy đủ các chức danh công việc trong Phiếu công tác theo quy định khi vào làm việc trên công trường;
- Không trang bị đầy đủ phương tiện bảo vệ cá nhân trong quá trình thi công như: quần áo, mũ, giày, kính bảo hộ lao động...;
- Làm giả các loại chứng chỉ, chứng nhận kiểm định, hiệu chuẩn đối với máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động khi đưa vào công trường phục vụ thi công;
- Không quản lý phân loại rác thải, vớt, thải, bỏ rác thải sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp, tái chế, chất thải nguy hại không đúng thùng chứa rác thải, nơi quy định của Công ty;
- Vận chuyển vật liệu, thiết bị, tập kết không đúng nơi quy định của Công ty;
- Sau 05 ngày làm việc kể từ khi ký Biên bản nghiệm thu công trình đưa vào sử dụng mà không thu dọn vệ sinh sạch sẽ và di chuyển hết những máy móc, thiết bị, vật tư, bao bì thải, rác thải phát sinh trong quá trình thi công và nhân công ra khỏi công trường;
- Mang chất dễ cháy nổ vào công trường khi chưa được sự đồng ý của Bên A;
- Nhân viên Bên B khi vào thi công công trình trong tình trạng say xỉn, thiếu tỉnh táo, không làm chủ được bản thân hoặc có mùi bia rượu, chất kích thích.
- Nếu vi phạm một trong các điều nêu trên, Bên B sẽ bị phạt 10.000.000 đồng/ sự vụ

ĐIỀU 13: ĐIỀU KHOẢN CHUNG

13.1 Ngôn ngữ hợp đồng và Luật áp dụng

- Ngôn ngữ của hợp đồng là Tiếng Việt.
- Luật điều chỉnh hợp đồng là pháp luật Việt Nam.

13.2 Giải quyết tranh chấp:

- Hai Bên cam kết nghiêm chỉnh thực hiện các điều khoản đã ký kết, không Bên nào được đơn phương thay đổi hoặc hủy bỏ hợp đồng này, mọi vấn đề khó khăn trở ngại hai Bên cùng thương lượng giải quyết trên tinh thần hai Bên cùng có lợi. Các thay đổi điều phải được thỏa thuận bằng văn bản do hai Bên ký kết mới có hiệu lực.
- Mọi tranh chấp nếu có mà hai Bên không hòa giải được sẽ được đưa ra Tòa án nhân dân Thành phố Đồng Nai giải quyết theo quy định của pháp luật.

13.3 Hiệu lực hợp đồng:

- Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký và hết hiệu lực khi hai bên quyết toán, thanh lý hợp đồng theo luật định.
- Hợp đồng này được lập thành năm (05) bản gốc có giá trị pháp lý như nhau, Bên A giữ ba (03) bản, Bên B giữ hai (02) bản để thực hiện.

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NHÀ
THẦU**

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA CHỦ ĐẦU
TU**

*[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng
dấu]*

PHỤ LỤC BẢNG GIÁ HỢP ĐỒNG

(Kèm theo hợp đồng số _____, ngày ____ tháng ____ năm ____)

Phụ lục này được lập trên cơ sở bảng chào giá dự thầu của Nhà thầu theo các Mẫu bảng giá dự thầu tương ứng quy định tại YCBG và các thỏa thuận đã đạt được trong quá trình hoàn thiện hợp đồng, trong đó bao gồm đơn giá, thành tiền cho từng hạng mục, nội dung công việc.

C.P.
★